TÍN DỤNG NGÂN HÀNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THEO NGHỊ ĐỊNH 41/2010/NĐ-CP TẠI AGRIBANK LÂM ĐỒNG

Nguyễn Xuân Hòa
Agribank Lâm Đồng

Nhằm tiếp tục đưa nguồn vốn tín dụng ngân hàng phục vụ cho chương trình xây dựng nông thôn mới, ngày 12/4/2010 Chính phủ đã ban hành Nghị định 41/2010/NĐ-CP (NĐ 41) về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn (NNNT). Ngày 14/6/2010 Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam đã có Thông tư 14/2010/TT-NHNN để triển khai nghị định này trong ngành ngân hàng. Nghị định này đã được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) triển khai thực hiện tại các địa phương trong đó có tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện NĐ 41 tại tỉnh Lâm Đồng đã có nhiều yếu tố cản trở dẫn đến kết quả thực hiện chưa đạt như mong đợi. Bài viết này sẽ đánh giá một số yếu tố cản trở đó.

Đặt vấn đề

Hoạt động tín dụng ngân hàng đóng vai trò quan trọng trong phát triển sản xuất, tạo công ăn việc làm và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn (NNNT) ở nước ta. Quyết định 67/1999/QĐ-TTg ngày 30/3/1999 (QĐ 67) về một số chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển NNNT thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng và nhà nước đối với lĩnh vực NNNT; tạo lực đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Đến nay, do biến động của nền kinh tế, ảnh hưởng của lạm phát làm cho chi phí sản xuất như nguyên liệu, cây trồng, con giống, thức ăn... tăng cao, nên mức cho vay không phải bảo đảm bằng tài sản theo QĐ 67 không còn phù hợp, chưa đáp ứng được nhu cầu vay vốn hợp lý của các hộ sản xuất. Do đó ngày 12/4/2010 Chính phủ đã ban hành NĐ 41 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển NNNT nhằm khắc phục những điểm không còn phù hợp của QĐ 67, mở rộng đối tượng được vay vốn, quy mô dự án... để tiếp tục đầu tư cho phát triển NNNT, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong NNNT, xây dựng cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo và từng bước nâng cao đời sống của nông dân.

Nội dung chính của Nghị định 41

- Đơn vị cho vay: là các ngân hàng, tổ chức tín dụng (TCTD), tổ chức tài chính quy mô nhỏ, tổ chức tài chính được Chính phủ thành lập để thực hiện cho vay theo chính sách của nhà nước (sau đây gọi chung là TCTD).

- Mục đích cho vay: các TCTD tiến hành cho vay phục vụ phát triển NNNT và các lĩnh vực liên quan đến phát triển NNNT như cho vay các khoản chi phí sản xuất; cho vay phát triển ngành nghề, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp; sản xuất công nghiệp, thương mại, cung ứng dịch vụ phi nông nghiệp trên địa bàn nông thôn; cho vay tiêu dùng đời sống nhân dân ở nông thôn...

- Mức cho vay không có bảo đảm bằng tài sản: NĐ 41 đã điều chỉnh mức cho vay không phải thế chấp bằng tài sản từ 10 triệu đồng theo

QĐ 67 lên mức 50 triệu đồng đối với hộ sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; 200 triệu đồng đối với hộ kinh doanh ngành nghề hoặc làm dịch vụ nông nghiệp và đến 500 triệu đồng đối với loại hình hợp tác xã, các chủ trang trại.

- Lãi suất cho vay: Nghị định quy định các TCTD sử dụng nguồn vốn huy động được để cho vay nông nghiệp và nông thôn với mức lãi suất thỏa thuận, trong đó có cơ chế khuyến khích khách hàng tham gia mua bảo hiểm để hạn chế rủi ro.

- Điều kiện vay: các đối tượng được vay không có bảo đảm bằng tài sản phải có giấy chứng nhận (GCN) quyền sử dụng đất (đối với các đối tượng được cấp GCN quyền sử dụng đất) hoặc được ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận chưa được cấp GCN quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp. TCTD xem xét cho vay tín chấp đối với đối tượng là khách hàng cá nhân, hộ gia đình trên cơ sở có bảo đảm của các tổ chức chính trị - xã hội ở nông thôn theo quy định hiện hành.

Nghị định cũng đưa ra hướng xử lý rủi ro đối với trường hợp rủi ro do nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, hạn hán...), như cơ cấu lại thời hạn nợ, khoanh nợ. Trường hợp thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên diện rộng, khi có thông báo của cấp có thẩm quyền, Chính phủ sẽ có chính sách xử lý cụ thể đối với từng trường hợp.

Để triển khai NĐ41 trong toàn hệ thống, Agribank Việt Nam đã xây dựng đề án "Agribank Việt Nam mở rộng và nâng cao hiệu quả đầu tư vốn cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020" với mục tiêu chung là tiếp tục giữ vững, phát huy vai trò ngân hàng thương mại hàng đầu, trụ cột trong đầu tư vốn cho nền kinh tế đất nước, chủ đạo, chủ lực trên thị trường tài chính, tiền tệ ở nông thôn, kiên trì bám trụ mục tiêu hoạt động cho "tam nông", ưu tiên nguồn vốn với mức lãi suất hợp lý cho lĩnh vực NNNT.

Triển khai Nghị định 41 tại Agribank Lâm Đồng và kết quả

Agribank Lâm Đồng – một chi nhánh của Agribank Việt Nam đóng ở khu vực nam Tây Nguyên – có mạng lưới hoạt động được mở ở hầu khắp các huyện, thị và đến tận huyện nghèo Đam Rông, là các địa chỉ tin cậy cung ứng vốn phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn, tạo điều kiện chuyển tải vốn cho vay đến vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Chi nhánh đã bám sát mục tiêu chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Agribank Việt Nam và chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh để đầu tư vốn, bảo đảm tỷ trọng cho vay đối với tam nông, đặc biệt tại 12 xã thí điểm xây dựng nông thôn mới của tỉnh, hướng dẫn tuyên truyền và giúp đỡ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn về chính sách đầu tư tín dụng phát triển NNNT; xác định kinh tế hộ là đối tượng khách hàng ưu tiên hàng đầu trong chính sách tín dụng.

Lâm Đồng là một tỉnh có hơn 1,2 triệu dân, trong đó có trên 55% dân số trong độ tuổi lao động, chủ yếu tập trung ở các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Với phương châm Agribank luôn đồng hành cùng nông dân, chi nhánh đã tích cực, chủ động tiếp cận cho vay đối với các đối tượng khách hàng theo tinh thần NĐ 41 trong đó bao gồm liên kết, ký các văn bản liên ngành với các cấp hội như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ tỉnh Lâm Đồng để xúc tiến cho vay thông qua các tổ hợp tác. Kết quả đến 31/8/2011, Agribank Lâm Đồng đã giải quyết cho 24.581 lượt khách hàng được vay vốn ngân hàng theo NĐ 41, trong đó có 24.518 hộ dân, 61 doanh nghiệp và 02 hợp tác xã. Với tổng dư nợ 1.396 tỷ đồng trên 21.406 khách hàng, chiếm tỷ trọng 25% trên tổng dư nợ của toàn chi nhánh. Mức dư nợ bình quân đạt trên 65 triệu/một khách hàng vay.

Kết quả thực hiện NĐ 41 tại Agribank Lâm Đồng có thể tham khảo trong Bảng 1.

Bảng 1: Tình hình cho vay phát triển NNNT

TT	Chỉ tiêu	Doanh số cho vay (tỷ đồng)	Doanh số thu nợ (tỷ đồng)	Dư nợ đến 31/8/2011 (tỷ đồng)			Dư nợ xấu (tỷ đồng)	Số lượng khách hàng vay vốn	
				Tổng số	Trong đó			Lượt khách hàng vay	Số khách hàng còn dư nợ
					Nợ ngắn hạn	Nợ trung và dài hạn			
I	**Phân theo mục đích cho vay**	**2.246**	**850**	**1.396**	**917**	**479**	**1,4**	**24.581**	**21.406**
1	Cho vay chi phí sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp	1.102	277	826	463	363	0,9	19.620	17.947
2	Cho vay phát triển ngành nghề nông thôn	42	18	24	10	14	-	316	180
3	Cho vay đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn	15	6	9	4	5	-	35	25
4	Cho vay chế biến, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản và muối	211	128	83	83	-	-	250	102
5	Cho vay kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phục vụ nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản	454	226	227	198	30	0,4	1.075	701
6	Cho vay sản xuất công nghiệp, thương mại và dịch vụ phi nông nghiệp trên địa bàn nông thôn	25	127	128	116	12	0,06	752	573
7	Cho vay tiêu dùng trên địa bàn nông thôn	167	67	100	45	55	0,04	2.530	1.876
8	Cho vay theo các chương trình kinh tế của Chính phủ	170	50	120	20	100	-	3	2
II	**Phân theo đối tượng vay vốn**	**2.246**	**850**	**1.396**	**917**	**479**	**1,4**	**24.581**	**21.406**
1	Khách hàng cá nhân, hộ gia đình	1.990	706	1.284	811	473	1,4	24.518	21.365
2	Khách hàng doanh nghiệp	256	144	111	105	6	-	61	39

Nguồn: Báo cáo tình hình cho vay NNNT - Agribank Lâm Đồng

Trước đây khi thực hiện QĐ 67, đối tượng được vay vốn bị hạn chế nhiều do cho vay không có tài sản bảo đảm bị khống chế ở mức dưới 10 triệu đồng. Điều này đã hạn chế đáng kể những hộ vay sản xuất nông nghiệp có đối tượng để đầu tư nhưng không có tài sản bảo đảm tiền vay hoặc có tài sản nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ thủ tục để có thể đăng ký thế chấp vay vốn ngân hàng. Kể từ khi triển khai NĐ 41 đến nay, đối tượng vay vốn đã được mở rộng hơn, vốn vay đã tập trung cho các hộ thâm canh cây công nghiệp dài ngày như chè, cà phê, điều; đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao như rau sạch trong nhà kính, hoa cao cấp...; phát triển trồng rừng; thúc đẩy kinh tế trang trại phát triển; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng nông thôn theo định hướng của tỉnh. Nguồn vốn ngân hàng đã góp phần quan trọng tăng năng suất, sản lượng, thúc đẩy kinh tế hộ phát triển, giảm bớt đáng kể tình trạng cho vay nặng lãi ở nông thôn hay tình trạng bán cà phê non của bà con nông dân.

Một điểm mới nổi bật nữa là đã có đối tượng khách hàng doanh nghiệp, hợp tác xã được vay vốn theo tinh thần NĐ 41 – chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ kinh doanh trên lĩnh vực nông nghiệp, một trong những đối tượng không vay vốn theo QĐ 67 do mức vay quá thấp, không đáp ứng nhu cầu của họ. Các hợp tác xã, các doanh nghiệp này phát triển đã thu hút được nguồn lực tại địa phương phục vụ sản xuất kinh doanh, tạo ra

việc làm và thu nhập cho người lao động. Những kết quả đó đã góp phần thực hiện chính sách tam nông của Chính phủ.

Tuy nhiên qua Bảng 1 có thể nhận thấy đối tượng vay vốn tập trung chủ yếu vào mục đích đáp ứng nhu cầu chi phí sản xuất nông lâm ngư nghiệp, còn đối tượng vay vốn để đầu tư phát triển ngành, nghề, xây dựng hạ tầng cơ sở nông thôn, phục vụ chế biến các sản phẩm nông nghiệp... vẫn còn rất hạn chế. Về cơ bản nhóm khách hàng vay vốn theo NĐ 41 và theo QĐ 67 chưa có sự khác biệt lớn về lượng, chủ yếu vẫn là hộ nông dân sản xuất nông nghiệp theo dạng kinh tế hộ gia đình, còn các nhóm khách hàng khác như hộ kinh doanh phi nông nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, doanh nghiệp nhỏ và vừa... chưa đáng kể, chỉ chiếm tỷ trọng 7,95 % trong tổng dư nợ vay theo NĐ 41 trong khi đây chính là thành phần có điều kiện mở rộng quy mô sản xuất theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa, có khả năng hội nhập cao, là thành phần có thể tạo ra động lực thúc đẩy phát triển NNNT theo tiêu chuẩn mới và hiện đại.

Những vướng mắc về chính sách và các nhân tố gây trở ngại cho việc thực hiện Nghị định 41 tại Agribank Lâm Đồng

Về cơ chế chính sách: theo NĐ 41 những đối tượng khách hàng vay vốn khi đăng ký giao dịch bảo đảm không phải nộp lệ phí. Tuy nhiên do các Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp chưa ban hành văn bản hướng dẫn nên chủ trương này trong thực tế chưa thực hiện được.

Khái niệm "nông thôn" ghi trong nghị định đã dẫn đến một thực tế là những hộ nông dân có hộ khẩu tại các thành phố, thị xã, thị trấn không được hưởng các quyền lợi khi vay vốn do không thuộc đối tượng của nghị định, trong khi trên thực tế ở Lâm Đồng nói riêng và các địa phương khác trong cả nước nói chung lực lượng nông dân có hộ khẩu ở thành thị là khá lớn. Đây là một bất hợp lý cần phải được bổ sung, điều chỉnh trong nghị định.

Với nhóm khách hàng là các hợp tác xã và chủ trang trại, dù được vay tối đa 500 triệu đồng không cần có tài sản bảo đảm, song tiêu chí để xác định chủ trang trại đủ điều kiện vay cũng như cấp nào chứng nhận các điều kiện này chưa được hướng dẫn cụ thể. Hợp tác xã, chủ trang trại và ngành nghề ở nông thôn tiếp cận được vốn ngân hàng vẫn còn rất hạn chế, mức đầu tư cho đối tượng này thấp. Ngoài ra do năng lực quản lý, điều hành, tài chính còn yếu, nhiều hợp tác xã chưa đủ điều kiện vay vốn, một số trang trại vay vốn với danh nghĩa hộ sản xuất do tiêu chí về trang trại chưa rõ ràng, cụ thể.

Về quy trình, thủ tục vay vốn: mặc dù đã được cải tiến nhưng vẫn còn rườm rà, phức tạp, chưa phù hợp với trình độ, nhận thức của người dân; đặc biệt là các thủ tục liên quan đến thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản. Một vấn đề nữa liên quan đến quy trình thủ tục hiện nay là hầu hết các bộ hồ sơ cho vay đối với hộ nông dân đều áp dụng phương thức cho vay từng lần, nghĩa là mỗi lần vay vốn hộ nông dân và ngân hàng phải làm tất cả các bước liên quan đến thủ tục như phương án sản xuất kinh doanh, hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị vay vốn, giấy nhận nợ, hợp đồng bảo đảm (nếu có)... trong khi mục đích và quy mô canh tác của hộ nông dân hầu như không thay đổi. Điều này vừa làm mất thời gian và chi phí của ngân hàng, vừa làm mất thời gian và gây nhiều phiền phức cho hộ nông dân, đặc biệt những hộ nông dân ở vùng sâu, vùng xa đi lại rất khó khăn.

Về nguồn vốn cho vay: Agribank Lâm Đồng thực hiện chủ trương cho vay NNNT với mức lãi suất thỏa thuận nhưng mức lãi suất bình quân khoảng 17,5-18,5%/năm, thấp hơn lãi suất cho vay thông thường từ 1-2%/ năm.

Đây là một nỗ lực của chi nhánh để tạo sự thuận lợi cho bà con nông dân có thể tiếp cận được nguồn vốn ngân hàng. Tuy nhiên Lâm Đồng vẫn là một tỉnh nghèo, tích lũy nội bộ từ nền kinh tế còn thấp do đó Agribank Lâm Đồng gặp khó khăn trong công tác huy động vốn nên nguồn vốn đầu tư cho NNNT chưa đáp ứng được nhu cầu của bà con nông dân và doanh nghiệp. Hiện nay nguồn vốn huy động của chi nhánh chỉ đáp ứng được khoảng 60% nhu cầu cho vay nền kinh tế, phần còn lại phải do hội sở chính điều chuyển nhưng lãi suất vay từ trụ sở chính với mức lãi suất điều chuyển vốn khá cao, chưa có nguồn lãi suất thấp để cho vay NNNT, vì vậy việc cho vay ưu đãi về lãi suất cho NNNT theo chủ trương của Chính phủ phần nào bị hạn chế.

Về sự phối hợp của các ban ngành, các tổ chức chính trị - xã hội: công tác khuyến nông, khuyến lâm tại các xã còn nặng về triển khai xây dựng mô hình, coi nhẹ công tác huấn luyện, đào tạo và công tác thông tin tuyên truyền, phương pháp chuyển giao kỹ thuật cũng chưa phù hợp với thực tiễn; chưa hướng dẫn các hộ gia đình xây dựng các dự án, phương án sản xuất nông nghiệp hiệu quả, làm cơ sở để các TCTD đầu tư vốn. Công tác triển khai mang nặng tính phong trào mà chưa chú trọng hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động hoặc chỉ triển khai bước đầu mà chưa chú trọng kết quả áp dụng của bà con nông dân và kiểm tra việc thực hiện của bà con nông dân có đúng với quy trình hay không. Điều này gây lãng phí lớn cho ngân sách nhà nước do hiệu quả công tác khuyến nông mang lại chưa cao, mặt khác không khuyến khích được hộ nông dân áp dụng những phương pháp sản xuất, kinh doanh mới. Hiện nay hầu hết những cây, con mới đều do hộ nông dân phát triển một cách tự phát thông qua truyền miệng, bắt chước nhau, không theo quy chuẩn và không có cơ sở khoa học trong nhiều trường hợp đã làm thiệt hại lớn cho bà con nông dân, ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả nợ của hộ vay. Công tác vận động của các tổ vay vốn do các tổ chức chính trị - xã hội thành lập cũng chưa theo sát tình hình thực tế hiện nay, chưa cho thấy ích lợi của tổ vay vốn nên hộ dân ngại gia nhập. Việc các tổ chỉ chú trọng đến mục đích vay vốn ngân hàng trong khi các mục đích quan trọng khác như hỗ trợ nhau trong sản xuất, giúp nhau khi có khó khăn... không được chú trọng đã làm cho ý nghĩa tham gia vào các tổ bị giảm sút. Mặt khác, việc gia nhập tổ vay vốn đã tăng thêm một số thủ tục, quy định nên làm mất thời gian của người dân, từ đó đã tạo ra tâm lý "mạnh ai nấy lo", tự mình đi làm tất cả thủ tục vay vốn khi cần thiết.

Về xử lý rủi ro trong đầu tư cho vay nông nghiệp: tuy mới triển khai cho vay từ tháng 6/2010, nhưng đến thời điểm 31/8/2011 nợ xấu đã xuất hiện và chiếm tỷ lệ 1,4%/dư nợ cho vay theo NĐ 41. Sản xuất nông nghiệp là lĩnh vực nhiều rủi ro bao gồm cả những rủi ro khách quan như bão lũ, hạn hán... và cả những yếu tố khác như giá cả của nguyên liệu, vật tư đầu vào, đặc biệt trong điều kiện hội nhập hiện nay thì giá cả một số mặt hàng nông sản phụ thuộc rất lớn vào tình hình thị trường thế giới như chè, cà phê, cao su... cũng ảnh hưởng đến việc đầu tư tín dụng cho NNNT. Hoạt động cho vay của TCTD không thể tránh khỏi rủi ro. Nếu lĩnh vực cho vay có rủi ro lớn sẽ gây tâm lý e ngại đối với TCTD.

Mặt khác trong lĩnh vực NNNT khi rủi ro xảy ra trên diện rộng thì có chủ trương xử lý của Chính phủ để bù đắp rủi ro nhưng nếu rủi ro chỉ ở cấp địa phương thì Chính phủ sẽ giao cho địa phương tự xử lý, trong khi Lâm Đồng vẫn là một tỉnh nghèo nên ngân sách của tỉnh bỏ ra để bù đắp tổn thất cho hộ nông dân là rất hạn hẹp. Chính vì vậy khi có rủi ro xảy ra, dẫn tới tình trạng hộ vay không trả được nợ ngân hàng thì trước hết rủi ro này các TCTD phải gánh chịu. Vì vậy nếu Chính phủ không có những chủ trương nhằm hạn chế rủi ro cho các

TCTD thì các TCTD cũng không mấy mặn mà với cho vay NNNT.

NĐ 41 cũng yêu cầu TCTD có chính sách miễn, giảm lãi đối với khách hàng tham gia mua bảo hiểm nông nghiệp nhằm hạn chế rủi ro cho TCTD. Tuy nhiên, Quyết định 315/QĐ-TTg, ngày 1/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013, chỉ được thực hiện thí điểm tại 21 tỉnh và đối tượng bảo hiểm cũng rất hạn chế (Thanh Hương, 2011). Lâm Đồng không thuộc diện được thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đợt này nên cũng sẽ không có đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi và TCTD cho vay luôn phải đối mặt với nguy cơ rủi ro.

- Một trở ngại nữa trong triển khai cho vay NNNT theo NĐ 41 liên quan đến thời hạn còn lại của GCN quyền sử dụng đất nông nghiệp. Hiện nay một số lượng rất lớn GCN quyền sử dụng đất nông nghiệp sẽ hết hạn hiệu lực vào tháng 10/2013 và theo luật nếu người sử dụng không có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì đất đó sẽ được thu hồi giao cho đối tượng khác. Do đó TCTD không thể cho vay vượt thời gian hiệu lực của GCN được và điều này có nghĩa trong năm 2011 TCTD gần như không thể cho vay trung và dài hạn được do thời cho vay vượt quá thời hạn hiệu lực GCN quyền sử dụng đất.

Kiến nghị

Khi NĐ 41 thực sự đi vào cuộc sống, góp phần xây dựng nên một bộ mặt nông thôn mới theo hướng hiện đại, các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu phải là sản phẩm hàng hóa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong nước cũng như đáp ứng yêu cầu xuất khẩu, từ đó nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân và các đối tượng sản xuất kinh doanh trên lĩnh vực nông nghiệp thì sự nỗ lực của các TCTD trong thực hiện chủ trương của Chính phủ về cho vay NNNT có ý nghĩa hết sức quan trọng. Để tạo điều kiện thuận lợi cho các TCTD nói chung trong triển khai cho vay NNNT theo chủ trương của Đảng và nhà nước, tác giả xin kiến nghị một số vấn đề sau đây:

Đối với Chính phủ

- Bổ sung đối tượng là các hộ nông dân có hộ khẩu ở thành thị vào diện được vay theo tinh thần NĐ 41.

- Bố trí nguồn vốn hợp lý để cho vay NNNT. Hiện nay NHNN có cơ chế điều chỉnh lãi suất tái cấp vốn để các NHTM dùng để cho vay NNNT tuy nhiên theo tác giả nguồn vốn này đang rất hạn chế không đủ đáp ứng nhu cầu vay vốn của đối tượng khách hàng cá nhân, doanh nghiệp theo NĐ 41.

- Có cơ chế xử lý rủi ro cho các TCTD khi những hộ vay vốn gặp rủi ro khách quan như thiên tai, mất mùa... kể cả những trường hợp thiên tai, mất mùa mang tính địa phương.

- Chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện chủ trương của Chính phủ về giao dịch bảo đảm đối với các đối tượng vay vốn theo NĐ 41. Ban hành quy chuẩn về tiêu chí để TCTD xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm đối với các hợp tác xã, chủ trang trại.

- Ban hành văn bản hướng dẫn đối với trường hợp GCN quyền sử dụng đất hết hiệu lực vào năm 2013 để các TCTD có cơ sở vận dụng trong quá trình xem xét cho vay.

- Bảo hiểm nông nghiệp cần được đúc kết kinh nghiệm qua triển khai thí điểm kịp thời để từ đó nhân rộng ra tất cả các tỉnh, thành trong cả nước nhằm hạn chế rủi ro cho các TCTD.

Đối với Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng

- Chỉ đạo Hội Phụ nữ, Hội Nông dân trong việc tuyên truyền hội viên tham gia các tổ sản xuất và vay vốn, trong đó chú trọng đến các nội dung hoạt động của các tổ, hội để hội viên thấy được quyền lợi cũng như nghĩa vụ của mình khi tham gia sinh hoạt trong tổ. Phối hợp với ngân hàng trong quá trình thẩm định, lập hồ sơ vay vốn cũng như trong đôn đốc các hội viên chấp hành nghĩa vụ trả nợ.

- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông chú trọng hơn chất lượng công tác khuyến nông để các hộ nông dân dễ tiếp thu những cái mới đồng thời có chương trình đi thực tế để có thể vừa kiểm tra vừa hướng dẫn bà con nông dân trong nuôi, trồng những giống cây, con mới. Bên cạnh đó cần nắm bắt những phong trào phát triển cây, con một cách tự phát để kịp thời tư vấn cho hộ dân, tránh tình trạng chạy theo phong trào nhiều rủi ro.

Đối với Agribank Việt Nam

Cho phép triển khai cho vay lưu vụ đối với đối tượng chăm sóc cây cà phê. Hiện nay Agribank đang áp dụng cho vay lưu vụ đối với khách hàng là hộ nông dân tại vùng chuyên canh và xen canh cây lúa, theo đó hộ vay được sử dụng vốn để chăm sóc cây lúa với thời gian vay được kéo dài bằng thời gian của nhiều vụ liên tiếp nhau thay vì chỉ cho vay một chu kỳ sản xuất. Đối với cây cà phê, việc nghiên cứu cho vay lưu vụ cũng có thể áp dụng tương tự đối với cây lúa, nghĩa là hộ chăm sóc cà phê được kéo dài thời hạn vay qua nhiều vụ, thay vì phải trả nợ khi đến hạn và vay lại để chăm sóc vụ mới như hiện nay. Thực hiện được vấn đề này một mặt giúp chi nhánh giảm bớt khối lượng công việc, hồ sơ cho vay; mặt khác giúp hộ vay tiết kiệm được thời gian đi lại làm các thủ tục như xin xác nhận của ủy ban vào giấy đề nghị vay vốn, đăng ký giao dịch tại trung tâm giao dịch bảo đảm ...

Những kiến nghị trên nếu được triển khai đồng bộ sẽ đưa NĐ 41 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển NNNT và chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới đi vào cuộc sống, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, góp phần thực hiện tốt chính sách về NNNT và nông dân của Đảng và nhà nước■

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

2. Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013.

3. Ngân hàng Nhà nước (2010), Thông tư số 14/2010/TT-NHNN ngày 14/6/2010 hướng dẫn chi tiết Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.

4. Bộ Tài chính (2011), Thông tư số 121/2011/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013.

5. Agribank Việt Nam (2010), Đề án mở rộng và nâng cao hiệu quả đầu tư vốn cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

6. Agribank Lâm Đồng (2011), Báo cáo tình hình triển khai Nghị định 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

7. Thanh Hương (2011), Nông dân phấn khởi chờ được tham gia bảo hiểm nông nghiệp, http://nongthonmoi.gov.vn/10/160/Nong-dan-phan-khoi-cho-duoc-tham-gia-bao-hiem-nong-nghiep.htm.